

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp của ECB sắp diễn ra và lo ngại kéo dài về tác động của biến thể Delta đối với nền kinh tế

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HPG, VIC

## [Cập nhật công ty]

BID

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ tại vùng hỗ trợ nhưng cần tuân thủ nguyên tắc dừng lỗ nếu chỉ số đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn

08/09/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,333.61	-0.62
VN30	1,433.71	-0.72
HĐTL VN30F1M	1,431.10	-0.69
HNXIndex	347.28	+0.23
HNX30	584.93	+1.19
UPCoM	94.36	-0.36
USD/VND	22,767	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.06	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.67	+7
Dầu (WTI, \$)	68.51	+0.23
Vàng (LME, \$)	1,799.24	+0.27



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,333.61 (-0.62%)  
**KLGD (triệu CP)** 806.3 (+0.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 860.0 (-26.6%)

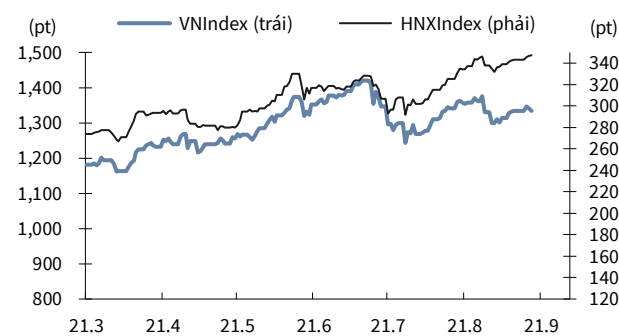
**HNXIndex** 347.28 (+0.23%)  
**KLGD (triệu CP)** 181.1 (+0.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 106.2 (-32.2%)

**UPCoM** 94.36 (-0.36%)  
**KLGD (triệu CP)** 139.2 (+0.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 60.5 (-36.0%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -17.9

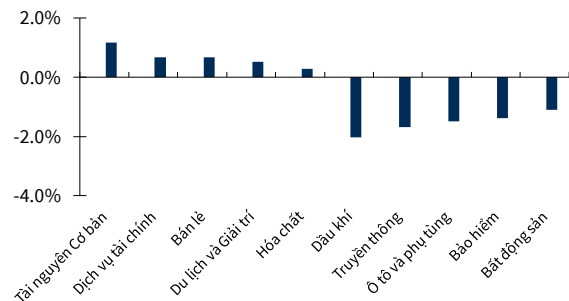
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp của ECB sắp diễn ra và lo ngại kéo dài về tác động của biến thể Delta đối với nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước đã chính thức ban hành Thông tư 14 sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020 quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm phí, giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở HDB (+0.2%). Cổ phiếu Hòa Phát HPG (+1.2%) sau khi công ty thông báo sản lượng bán hàng các sản phẩm thép tháng 8 đạt 690,000 tấn (+38% YoY) và sản lượng thép thô 681,000 tấn, tăng 40% so với cùng kỳ, kéo theo sự tăng giá ở cổ phiếu cùng ngành như HSG (+3.2%), NKG (+2.5%). Nhờ điều kiện thị trường thuận lợi, nhiều công ty chứng khoán dự kiến có kết quả kinh doanh khởi sắc, trong đó SSI ước vượt kế hoạch lợi nhuận năm sau 8 tháng và VNDirect điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận tăng 82% lên 1,600 tỷ đồng giúp cổ phiếu tăng giá ở SSI (+6.9%), VND (+1%). Khối ngoại bán ròng ở VHM (-1.6%), VIC (-2.0%), SSI (+6.9%).

## VNIndex & HNXIndex



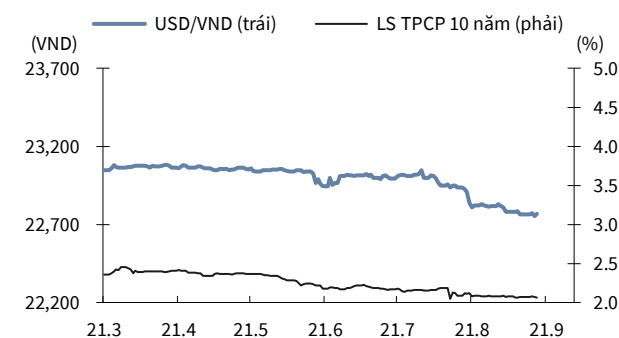
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

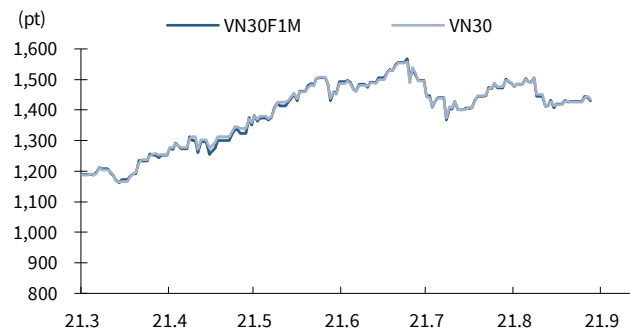
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,433.71 (-0.72%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,431.1 (-0.69%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,441.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,442.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,427.6</b>

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2109 và chỉ số VN30 biến động với biên độ âm trong suốt phiên giao dịch ở mức -0.65 và -7.8 điểm do áp lực bán tăng mạnh và đóng cửa ở mức -2.61 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường cải thiện nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp.

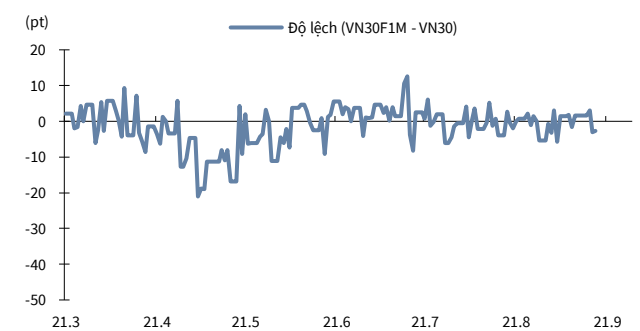
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>189,284 (+10.2%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



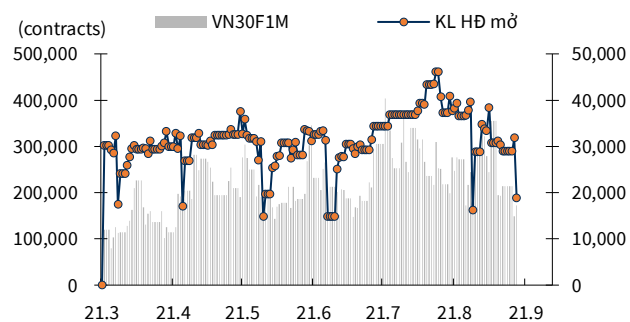
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



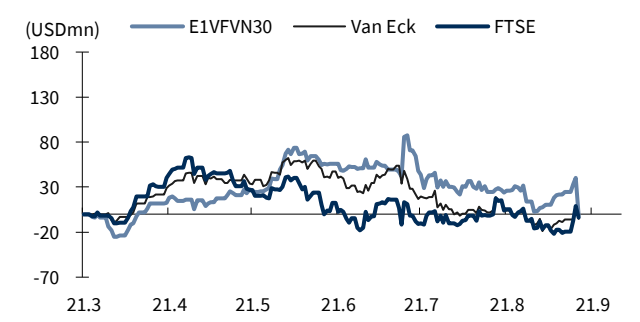
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

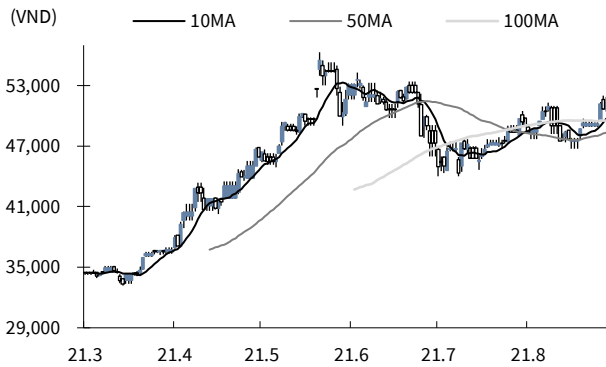
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

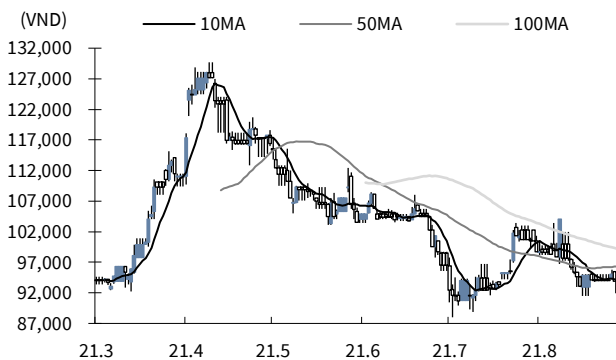
## Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.2% lên 51,200 VND/cp
- Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng các sản phẩm thép tháng 8 đạt 690,000 tấn (+38% YoY), tăng 15% so với tháng trước. Trong đó, thép xây dựng đạt 268,000 tấn (-17% YoY), tương ứng giảm 26% so với tháng trước.
- Lũy kế 8 tháng, sản lượng bán hàng thép thành phẩm các loại đạt 5.6 triệu tấn (+47% YoY).

## Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm 2% xuống 92,000 VND/cp
- Tập đoàn Vingroup đã bán xong gần 100.5 triệu cổ phiếu Vinhomes từ 19/8 đến 6/9 theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận, thu về khoảng 10,800 tỷ đồng. Sau giao dịch, Vingroup còn sở hữu 2.2 tỷ cổ phiếu VHM, chiếm 66.66% vốn Vinhomes.

# BIDV (BID)

## 2Q2021, LNST tăng 85.0% YoY

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

07/09/2021

**2Q2021, LNST đạt 3,739 tỷ VND, tăng 85.0% YoY**

2Q2021, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực giúp LNST đạt 3,739 tỷ VND (+39.2% QoQ, +85.0% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong 2Q2021 (+5.2% QoQ, +13.3% YoY).

**NIM 2Q2021 đạt 3.03%, tăng 16 bps QoQ**

NIM 2Q2021 đạt 3.0% (+16 bps QoQ, +79 bps YoY) do: Lãi suất bình quân đầu ra tăng 6 bps YoY chủ yếu nhờ sự cải thiện lãi cho vay khách hàng; Chi phí vốn đầu vào tiếp tục giảm 10 bps theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng.

**Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.63%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 131.3%**

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.63%, giảm 13bps QoQ. Trong kì, BID đẩy mạnh trích lập 8,251 tỷ VND (+15.0% QoQ, +91.0% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 131.3% (+23.7% điểm QoQ). BID dự kiến sẽ trích lập khoảng 5 nghìn tỷ VND cho phần nợ tái cơ cấu này theo thông tư 03/2021.

**Kỳ vọng tăng trưởng cao trong năm 2022**

Chúng tôi dự báo LNST năm 2021 đạt 9,734 tỷ VND, tăng 34.8% YoY, điều chỉnh giảm 5.5% so với dự phóng cũ phản ánh ảnh hưởng của dịch Covid-19. Chúng tôi dự báo LNST năm 2022 đạt 13,832 tỷ VND, tăng 42.1% YoY phản ánh nhu cầu vay tăng mạnh sau dịch cùng chất lượng tài sản được cải thiện.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 46,400 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 46,400 VND/cp, cao hơn 18.6% so với giá tại ngày 06/09/2021.

## Mua

**Giá mục tiêu VND 46,400**

Tăng/Giảm	18.6%
Giá hiện tại (06/09/2021)	VND 39,100
Giá mục tiêu thị trường	VND 34,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	157,260

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	128/5.4
Sở hữu nước ngoài (%)	17.15%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.98%)

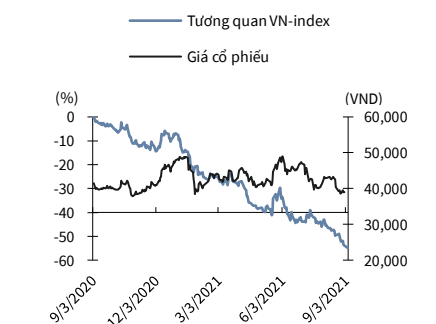
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-9	-13	-10	-6
Tương đối	-9	-11	-24	-55

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,978	35,797	40,836	44,763
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	30,864	32,344	38,303	42,066
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,368	6,997	9,686	13,763
EPS (VND)	2,081	1,740	2,148	2,837
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	23%	32%
PER (x)	20.8	24.9	20.2	15.3
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	19,008	20,411
PBR (x)	2.24	2.19	2.28	2.12
ROE (%)	12.9%	9.2%	11.8%	15.0%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

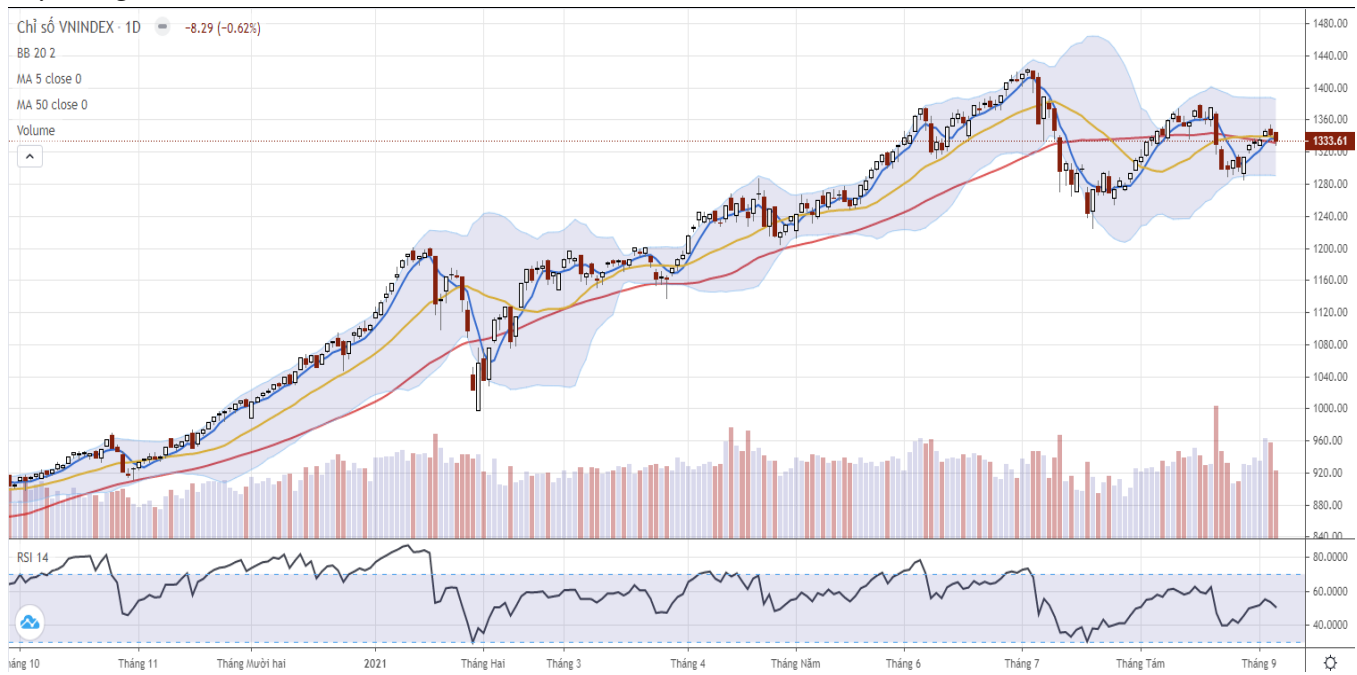


Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm trong trạng thái giằng co về cuối phiên.
- Diễn biến đảo chiều điều chỉnh trong phiên hôm nay khiến chỉ số tạm thời quay lại vùng trung tính. Điều này để ngỏ khả năng tiếp tục điều chỉnh xuống ngưỡng hỗ trợ then chốt quanh 1320 cũng là vùng mang tính quyết định đến khả năng duy trì được xu hướng tăng ngắn hạn của VNIndex. Mặc dù vậy, trước khi điểm đỡ này bị phá vỡ, cơ hội còn thêm nhịp tăng gối đầu vẫn đang được để ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ tại vùng hỗ trợ nhưng cần tuân thủ nguyên tắc dừng lỗ nếu chỉ số đánh mất xu hướng tăng ngắn hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1443 - 1446

Kháng cự gần: 1438 - 1440

Hỗ trợ gần: 1423 - 1426

Hỗ trợ xa: 1415 - 1419

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành đầu phiên, F1 đảo chiều giảm điểm trong trạng thái giằng co về cuối phiên.
  - Diễn biến đảo chiều điều chỉnh trong phiên hôm nay khiến chỉ số tạm thời quay lại vùng trung tính và để ngỏ khả năng tiếp tục điều chỉnh xuống ngưỡng hỗ trợ then chốt quanh 1420 cũng là vùng mang tính quyết định đến khả năng duy trì được xu hướng tăng ngắn hạn. Mặc dù vậy, trước khi điểm đỡ này bị phá vỡ, cơ hội còn thêm nhịp tăng gồng đầu vẫn đang được để ngỏ.
  - Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự, mua tại hỗ trợ.
  - Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế đã mở, chỉ dừng lỗ nếu đánh mất hỗ trợ xa.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

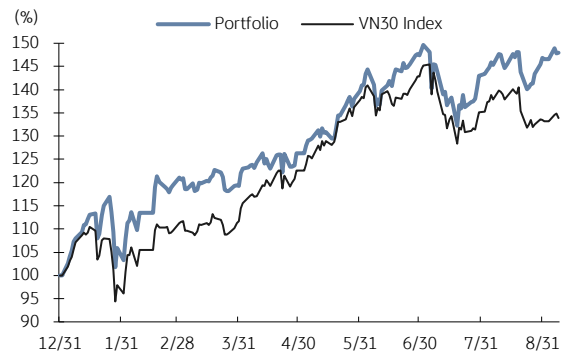
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.72%	0.03%
Tăng lũy kế (YTD)	33.90%	47.92%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	111,400	1.0%	44.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	44,000	-0.9%	79.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,200	0.0%	12.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,300	-1.0%	124.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	64,300	0.5%	89.1%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,100	-0.4%	219.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,150	-1.5%	70.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	87,800	-1.0%	19.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,300	1.2%	254.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	43,600	2.6%	218.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-2.3%	95.5%	70.1
VCB	-0.3%	23.6%	50.4
HDB	0.2%	18.4%	38.9
DXG	0.0%	28.6%	24.8
LPB	0.9%	3.9%	22.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.6%	23.5%	-242.2
VIC	-2.0%	14.7%	-144.9
SSI	6.9%	47.1%	-81.0
MSN	-1.4%	32.9%	-70.0
VNM	-1.0%	54.7%	-56.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-0.5%	8.8%	12.4
EID	-2.9%	22.7%	5.9
HUT	-1.1%	2.8%	4.3
NBC	2.8%	4.5%	2.6
DL1	0.0%	1.3%	2.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BII	-2.9%	1.0%	-2.7
BCC	1.7%	1.9%	0.5
SRA	1.1%	1.4%	-0.7
VGS	1.2%	0.4%	0.9
SCI	0.0%	0.8%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	4.1%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	2.7%	SSI, VCI
Du lịch và Giải trí	2.2%	HVN, VNG
Bán lẻ	1.2%	MWG, DGW
Ngân hàng	1.0%	BID, HDB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-4.2%	BVH, BMI
Y tế	-3.9%	DHG, VMD
Ô tô và phụ tùng	-3.6%	TCH, DRC
Dầu khí	-3.1%	PLX, PVD
Hóa chất	-2.7%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	11.8%	GVR, DGC
Dịch vụ tài chính	10.9%	SSI, VCI
Y tế	8.8%	DHG, DBD
Xây dựng và Vật Liệu	6.7%	HT1, PC1
Tài nguyên Cơ bản	5.8%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-7.6%	PLX, PVD
Ngân hàng	-5.0%	BID, TCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.4%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.6%	GAS, TTE
Bất động sản	-3.6%	VIC, VRE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND tỷ, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E			20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	250,600 (11.0)	22.5	58.6	57.3	14.7	7.0	8.0	3.9	3.6	-2.0	-2.2	-8.6	-4.3	
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	1,520,392 (66.6)	26.6	11.5	10.2	35.9	28.3	27.0	3.1	2.4	-1.6	0.9	-5.3	20.6	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	114,055 (5.0)	17.8	25.6	18.9	-7.6	7.5	10.0	2.0	1.8	-0.4	-0.4	-3.0	-13.7	
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	278,740 (12.2)	31.3	35.6	25.7	6.7	16.0	14.4	4.4	4.1	-0.8	0.0	-3.3	116.2	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	132,120 (5.8)	11.6	22.8	16.3	18.0	12.9	15.8	2.6	2.3	-1.5	1.3	-3.4	50.2	
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	149,473 (6.6)	13.9	10.9	8.0	-	16.3	18.5	1.6	1.3	0.0	-1.1	-4.8	37.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	136,778 (6.0)	6.3	16.7	14.0	11.7	21.1	20.9	3.2	2.6	-0.3	0.4	1.6	1.8	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	82,812 (3.6)	12.7	17.1	12.1	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	-0.3	0.4	-7.7	-17.3	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	790,333 (34.6)	0.0	10.2	8.5	14.3	20.5	20.3	1.9	1.5	-1.7	-0.8	-5.8	54.9	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	491,925 (21.6)	1.4	9.2	7.4	61.1	18.6	20.0	1.7	1.4	-1.5	-0.5	-5.9	20.1	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	568,949 (24.9)	0.0	9.8	10.1	18.8	23.6	16.8	1.9	1.5	-2.4	0.6	2.3	90.8	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	495,380 (21.7)	0.0	9.0	7.5	14.6	22.1	21.7	1.6	1.4	-1.0	-0.4	-4.6	67.6	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	81,442 (3.6)	4.2	9.7	8.2	23.3	21.4	20.8	1.8	1.5	0.2	0.2	-4.5	40.8	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	572,141 (25.1)	14.0	18.7	13.8	26.5	10.3	12.6	-	-	-2.2	-2.2	-9.9	61.5	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	166,291 (7.3)	0.0	8.1	6.8	37.5	23.2	21.5	1.7	1.3	-0.8	4.2	1.7	34.7	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	12,305 (0.5)	0.2	36.9	20.0	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	-1.9	0.0	-5.4	32.5		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	59,845 (2.6)	21.0	23.5	20.8	15.8	8.4	9.0	1.9	1.8	-2.0	-1.5	0.7	-17.9	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	32,798 (1.4)	14.2	11.7	-	9.1	13.1	-	1.5	-	0.3	-4.0	-1.1	30.2	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	963,397 (42.2)	55.4	17.0	15.2	-3.2	17.3	17.7	-	-	10.9	7.3	18.8	102.4	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	384,847 (16.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.7	3.8	16.2	117.2	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	365,026 (16.0)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-2.0	-0.5	12.0	75.8	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	630,802 (27.6)	27.2	11.5	19.5	36.3	21.3	17.0	3.8	3.5	1.0	3.8	4.8	179.6	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	307,131 (13.5)	42.1	17.9	16.5	4.0	32.7	33.9	5.5	5.3	-1.0	-2.3	-2.1	-21.5	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	32,890 (1.4)	36.9	22.3	18.7	7.3	21.2	21.8	4.1	3.4	0.8	1.8	-3.4	-23.1	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	194,308 (8.5)	16.5	47.1	26.9	-51.9	14.3	22.2	7.7	6.0	-1.4	-3.5	-4.8	44.0	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	46,031 (2.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.1	-5.3	10.6	-53.1	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	117,978 (5.2)	11.0	-	34.9	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.0	-1.8	6.1	-0.3	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	236,116 (10.4)	10.8	29.3	20.7	-57.0	8.6	12.0	2.4	2.3	-0.6	-2.5	4.6	54.9	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	66,488 (2.9)	38.4	18.0	9.5	65.7	5.5	9.6	1.1	1.0	-0.5	0.8	7.3	-14.0	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	52,489 (2.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.2	2.0	-6.3	98.8	
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	283,990 (12.4)	37.7	18.0	12.5	-12.7	12.1	12.7	-	-	0.0	6.8	12.9	41.0	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	40,688 (1.8)	3.6	31.8	16.7	-52.4	1.9	3.6	0.6	0.6	-1.9	-1.4	4.1	-12.4	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	82,801 (3.6)	0.0	11.9	10.2	-4.5	14.2	13.9	1.6	1.4	0.5	-1.1	19.1	31.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	101,535 (4.4)	46.1	19.2	15.5	-17.5	18.1	20.5	3.4	3.1	-1.0	0.3	-5.0	1.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	15,869 (0.7)	31.4	19.3	12.5	-10.5	8.2	13.2	1.6	1.8	-0.5	2.6	13.2	-13.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	11,572 (0.5)	34.1	19.2	11.4	-5.1	7.9	13.9	1.6	1.6	-1.4	-0.4	8.3	1.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,337,197 (58.6)	18.0	7.8	7.8	21.9	39.2	28.6	2.5	1.9	1.2	5.3	6.0	67.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	259,225 (11.4)	36.5	14.0	18.1	-0.5	12.9	9.5	1.6	1.5	0.4	-2.3	22.4	88.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	154,463 (6.8)	46.5	18.6	19.8	-4.5	11.7	10.5	-	-	0.0	0.2	16.3	76.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	488,180 (21.4)	38.9	5.1	7.0	67.9	47.9	25.6	2.0	1.5	3.2	9.4	14.3	115.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	133,249 (5.8)	97.2	10.7	10.9	17.2	10.3	9.9	1.0	1.1	-0.6	-1.2	2.6	21.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	79,880 (3.5)	4.6	16.6	15.2	-51.0	16.0	16.1	-	-	-2.2	-0.5	-6.8	-9.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	127,407 (5.6)	39.9	134.4	22.5	-11.9	0.5	2.6	0.6	0.5	-0.8	-2.4	-1.3	13.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	170,391 (7.5)	35.9	10.7	10.1	1.2	14.3	14.2	1.5	1.4	1.5	8.4	24.9	70.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	160,130 (7.0)	0.0	16.4	12.8	13.7	24.8	26.6	3.8	3.1	1.0	0.7	-2.6	40.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	54,845 (2.4)	0.0	18.3	14.5	2.4	20.2	23.4	3.3	2.9	0.0	-0.2	10.4	6.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,656 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	0.3	11.5	-66.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	109,277 (4.8)	30.3	33.5	20.8	-75.2	7.8	11.8	2.5	2.3	-2.7	-3.6	2.6	24.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,366 (1.8)	34.6	17.2	9.6	41.2	15.4	27.4	2.2	2.2	-0.9	4.2	7.1	-14.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,468 (0.2)	45.4	18.3	17.1	10.7	20.6	20.3	3.4	3.1	-1.1	-5.6	7.2	-1.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	138 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	-3.6	-5.3	4.6
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	265,980 (11.7)	0.0	21.0	17.8	15.5	23.9	25.2	4.5	4.0	-0.4	1.0	-3.6	81.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.